

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 471/2024/DS-ST

Ngày: 21-11-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Trần Việt Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Phan Thị U, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: P, thành phố G, tỉnh T.

- Bị đơn: Lê Thị Kim H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, bà Phan Thị U trình bày:

Ngày 11/8/2022, bà Th rút tiền tiết kiệm ở Ngân hàng chính sách xã hội thành phố G cho bà H mượn số tiền 60.000.000 đồng, có làm biên nhận. Do bà H không có tiền trả cho bà Th, nên bà H có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Th một phần đất để cản trừ nợ. Bà Th hộ khẩu, cư trú ở Thành phố H, nên không đủ điều kiện để lập thủ tục nhận chuyển nhượng đất; nên không tiến hành lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà Th nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả tiền, nhưng bà H không trả.

Tại phiên tòa, bà U (Đại diện theo ủy quyền của bà Th) yêu cầu bà H trả lại cho bà Th 60.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Lê Thị Kim H trình bày trình bày:

Vào năm 2022, bà H với bà Th có thỏa thuận bà H chuyển nhượng cho bà Th phần đất 830m², tọa lạc ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T; thỏa thuận miệng, không có lập văn bản. Bà H có nhận của bà Th số tiền 60.000.000 đồng, có làm biên nhận. Sau đó bà Th không làm thủ tục chuyển nhượng đất; nên bà H đã chuyển nhượng đất cho người khác. Do bà Th đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất của bà H, nhưng bà Th không lập thủ tục nhận chuyển nhượng đất; nên bà H không đồng ý trả lại cho bà Th 60.000.000 đồng.

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th. Buộc bà H trả cho bà Th 60.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ, giải quyết quyết theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự; xét thấy: Ngày 18/11/2022, bà Th có cho bà H mượn 60.000.000 đồng. Bà H cho rằng, bà H nhận của bà Th số tiền 60.000.000 đồng là tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng bà H không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà H. Bà H thừa nhận có nhận của bà Th 60.000.000 đồng, có làm giấy nhận tiền (bút lục số 16), hiện nay chưa trả. Do đó bà Th yêu cầu bà H trả lại cho bà Thuần 60.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Xét bà Th không yêu cầu tính lãi; nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

1. Buộc bà Lê Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà H phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Th được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu